

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 33

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Gạch ngói Đồng Nai trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Gạch ngói Đồng Nai (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Gạch ngói Đồng Nai theo Quyết định số 2313/QĐ-BXD ngày 15/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc phê duyệt điều chỉnh phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Gạch ngói Đồng Nai thuộc Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 thành công ty cổ phần. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0300397028, đăng ký lần đầu ngày 21/3/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và thay đổi lần thứ sáu ngày 03 tháng 1 năm 2019 về việc thay đổi người đại diện pháp luật.

Vốn điều lệ: 90.000.000.000 đồng (Chín mươi tỷ đồng).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: DONG NAI BRICK AND TILE CORPORATION, tên viết tắt là: TUILDONAI CORP.

Trụ sở chính Công ty tại: Số 119 - Điện Biên Phủ - Phường ĐaKao - Quận 1 - Tp. Hồ Chí Minh.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Nguyễn Đức Hoàng	Chủ tịch
	Bà Bùi Thị Chiêm	Thành viên
	Ông Võ Đình Thanh Thuyền	Thành viên
	Ông Nguyễn Hoàng Linh	Thành viên
	Ông Nguyễn Hoàng Hải	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này:

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Nguyễn Đức Hoàng	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 1/1/2019)
	Ông Nguyễn Đức Dũng	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 1/1/2019)
	Ông Hoàng Quang Tuyền	Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật sản xuất
	Ông Nguyễn Văn Vinh	Phó Tổng Giám đốc Kế hoạch đầu tư
	Ông Hoàng Hữu Thăng	Phó Tổng Giám đốc Hành chính nhân sự

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**


**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc, 



**Nguyễn Đức Dũng**  
**Tổng Giám đốc**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2019*

Số: 94/2019/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM/HCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Gạch ngói Đồng Nai**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Gạch ngói Đồng Nai, được lập ngày 20 tháng 03 năm 2019, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Nguyễn Thị Minh Anh**

**Phó Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1492-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 09/2019/UQCN-CPA VIETNAM ngày 02/01/2019 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM - CHI NHANH TP. HỒ CHÍ MINH**

**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2019*

**Phan Thị Xuân Diệu**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2742-2015-137-1

AM - 002

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>198.339.607.194</b>	<b>144.952.816.737</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>96.170.426.976</b>	<b>49.246.978.318</b>
1. Tiền	111		63.729.551.402	24.496.978.318
2. Các khoản tương đương tiền	112		32.440.875.574	24.750.000.000
<b>II- Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>36.780.981.229</b>	<b>45.381.048.054</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	29.728.797.372	21.189.648.894
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.411.861.998	25.172.645.154
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	6.309.525.284	1.000.469.992
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.4	(2.669.203.425)	(1.981.715.986)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.5</b>	<b>64.585.167.916</b>	<b>47.813.379.781</b>
1. Hàng tồn kho	141		72.444.892.672	52.645.204.934
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.859.724.756)	(4.831.825.153)
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>803.031.073</b>	<b>2.511.410.584</b>
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		353.848.751	1.348.871.454
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.13	449.182.322	1.162.539.130
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>108.298.959.107</b>	<b>114.814.096.563</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>5.3</b>	<b>1.121.580.581</b>	<b>990.380.791</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		1.121.580.581	990.380.791
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>91.291.597.719</b>	<b>64.724.580.796</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	91.291.597.719	64.724.580.796
- Nguyên giá	222		394.988.873.979	330.549.859.776
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(303.697.276.260)	(265.825.278.980)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	-	-
- Nguyên giá	228		104.103.860	142.072.860
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(104.103.860)	(142.072.860)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>5.8</b>	<b>5.885.780.807</b>	<b>6.383.170.727</b>
1. Nguyên giá	231		12.207.837.490	12.207.837.490
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(6.322.056.683)	(5.824.666.763)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	<b>32.715.964.249</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	-	32.715.964.249
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.10	10.000.000.000	10.000.000.000
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>306.638.566.301</b>	<b>259.766.913.300</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01-DN

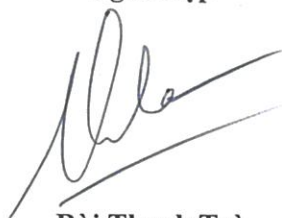
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>81.693.357.620</b>	<b>85.987.904.995</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>79.938.469.309</b>	<b>84.530.283.264</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	16.554.171.986	23.638.787.112
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		986.970.803	1.180.691.284
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	4.501.246.790	5.286.550.049
4. Phải trả người lao động	314		14.677.069.993	14.101.967.598
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	2.285.183.109	3.915.508.482
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	8.960.475.244	9.797.700.461
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	18.237.393.000	16.372.538.894
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		13.735.958.384	10.236.539.384
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.754.888.311</b>	<b>1.457.621.731</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	1.754.888.311	1.457.621.731
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>224.945.208.681</b>	<b>173.779.008.305</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.16</b>	<b>224.945.208.681</b>	<b>173.779.008.305</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		90.000.000.000	90.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		90.000.000.000	90.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.305.148.444	8.305.148.444
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		53.373.613.283	32.268.945.979
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		73.266.446.954	43.204.913.882
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		12.744.544.786	12.744.770.240
- LNST chưa phân phối kì này	421b		60.521.902.168	30.460.143.642
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>306.638.566.301</b>	<b>259.766.913.300</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2019

Người lập



Bùi Thanh Trà

Kế toán trưởng



Bùi Thị Chiêm

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Dũng

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 02-DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	365.850.971.040	339.665.722.591
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.17	365.850.971.040	339.665.722.591
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	278.317.597.879	256.081.238.911
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		87.533.373.161	83.584.483.680
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	2.195.040.340	316.421.436
7. Chi phí tài chính	22	5.20	1.028.464.880	3.138.978.716
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		998.820.042	2.968.726.952
8. Chi phí bán hàng	25	5.21	16.414.313.775	16.157.728.153
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.22	27.518.760.732	23.020.372.477
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		44.766.874.114	41.583.825.770
11. Thu nhập khác	31	5.23	38.947.907.099	4.808.579.894
12. Chi phí khác	32	5.23	54.334.070	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		38.893.573.029	4.808.579.894
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		83.660.447.143	46.392.405.664
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	16.732.411.318	9.453.714.000
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		66.928.035.825	36.938.691.664

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2019

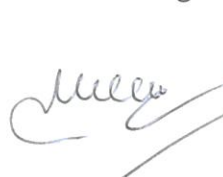
Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Bùi Thanh Trà



Bùi Thị Chiêm



Nguyễn Đức Dũng

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 03-DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

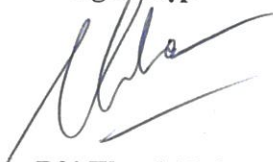
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	83.660.447.143	46.392.405.664
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	39.437.802.274	36.267.454.915
- Các khoản dự phòng	03	3.715.387.042	1.968.250.975
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(439.790.295)	28.688.437
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(45.841.922.111)	(3.201.871.397)
- Chi phí lãi vay	06	998.820.042	2.968.726.952
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	81.530.744.095	84.423.655.546
- Biến động các khoản phải thu	09	14.525.090.023	(20.278.016.255)
- Biến động hàng tồn kho	10	(19.799.687.738)	(13.152.593.494)
- Biến động các khoản phải trả	11	(55.236.216.483)	9.843.354.041
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	-	5.782.127.977
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.056.117.022)	(2.911.429.972)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(17.582.587.000)	(10.942.553.990)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.369.508.657)	(2.696.977.340)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(988.282.782)	50.067.566.513
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(20.321.518.776)	(33.889.165.416)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	73.826.852.196	90.909.091
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.027.136.212	3.110.962.306
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	60.532.469.632	(30.687.294.019)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu của CSH	31	-	36.000.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	107.163.908.504	99.971.743.456
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(105.299.054.398)	(130.378.175.048)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(14.952.778.950)	(10.524.390.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(13.087.924.844)	(4.930.821.892)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	46.456.262.006	14.449.450.602
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	49.246.978.318	34.822.574.855
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	467.186.652	(25.047.139)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	96.170.426.976	49.246.978.318

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2019

Người lập



Bùi Thanh Trà

Kế toán trưởng



Bùi Thị Chiêm

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Dũng

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Gạch ngói Đồng Nai (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Gạch ngói Đồng Nai theo Quyết định số 2313/QĐ-BXD ngày 15/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc phê duyệt điều chỉnh phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Gạch ngói Đồng Nai thuộc Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 thành công ty cổ phần. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0300397028, đăng ký lần đầu ngày 21/3/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và thay đổi lần thứ sáu ngày 03 tháng 1 năm 2019 về việc thay đổi người đại diện pháp luật.

Vốn điều lệ: 90.000.000.000 đồng (Chín mươi tỷ đồng).

Tên tiếng nước ngoài: DONG NAI BRICK AND TILE CORPORATION

Trụ sở chính Công ty tại: Số 119 - Điện Biên Phủ - Phường ĐaKao - Quận 1 - Tp. Hồ Chí Minh.

Số lao động tại ngày 31/12/2018 là 617 người (tại ngày 31/12/2017 là: 589 người)

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Công nghiệp sản xuất gạch ngói, vật liệu chịu lửa, gốm sứ xây dựng; Khai thác, chế biến khoáng sản; Đầu tư kinh doanh nhà và đô thị, văn phòng, căn hộ cao cấp, khu công nghiệp và khu dân cư; Môi giới bất động sản; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình kỹ thuật hạ tầng và khu công nghiệp; Trang trí nội ngoại thất công trình; Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, vật tư máy móc trong lĩnh vực vật liệu xây dựng; Đại lý kinh doanh xăng dầu; Mua bán thiết bị văn phòng, đồ gỗ, kim khí điện máy; Quảng cáo thương mại; Mua bán hàng tiêu dùng: thực phẩm, nước giải khát (không kinh doanh dịch vụ ăn uống), xe ô tô, xe gắn máy, phụ tùng xe gắn máy; Tư vấn và chuyển giao công nghệ sản xuất gốm thô; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô; Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính - kế toán).

Trong năm hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất các loại gạch ngói, vật liệu chịu lửa, gốm sứ xây dựng, cho thuê văn phòng và dịch vụ vận tải./.

**1.3 Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31/12/2018, Công ty có đầu tư vào công ty con và các đơn vị trực thuộc như sau:

	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Tỷ lệ góp vốn</b>	<b>Tỷ lệ biểu quyết</b>
<b>Đầu tư vào công ty con</b>			
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại TUILDONAI	Kinh doanh gạch ngói	100%	100%
<b>Các đơn vị trực thuộc</b>			
Nhà máy Gạch Ngói Đồng Nai 1	Sản xuất gạch ngói, VLCL, gốm sứ xây dựng		
Nhà máy Gạch Ngói Đồng Nai 2	Sản xuất gạch ngói		
Nhà máy Gạch Ngói Việt Đức	Sản xuất gạch ngói		
Nhà Máy Khai Thác & Chế Biến Khoáng Sản	Khai thác mỏ sét		

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán****Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo Kết quả kinh doanh.

**Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính**

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tại ngày 31/12/2018.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tại ngày 31/12/2018.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (Tiếp theo)**

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại các khoản mục có gốc tiền tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

Thời điểm	Ngân hàng	Tỷ giá mua vào	Tỷ giá bán ra
31/12/2018	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	23.150 VND/USD	23.240 VND/USD

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), các khoản tương đương tiền

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

**Tương đương tiền**

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính****Các khoản đầu tư vào công ty con**

Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư**

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán nợ phải thu (Tiếp theo)**

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

**a. Nguyên tắc kế toán****Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

**Tài sản cố định vô hình**

- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)****b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2018
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc khác	08 - 25
Máy móc, thiết bị khác	03 - 10
Phương tiện vận tải	08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định khác	06 - 08

Riêng tài sản cố định của Nhà Máy khai thác và chế biến Khoáng Sản là đất mỏ được khấu hao theo sản lượng khai thác dự kiến là 623.800 m<sup>3</sup> sét cho toàn bộ khu vực mỏ (từ tháng 12/2015 sản lượng khai thác dự kiến là 2.918.187 m<sup>3</sup>).

Tài sản cố định vô hình là giá trị phần mềm kế toán đã khấu hao hết.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm giá trị xây dựng (không bao gồm nội thất và thang máy) của tòa nhà Văn phòng tại Số 119 Điện Biên Phủ, phường ĐaKao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh được sử dụng cho mục đích thu lợi từ việc cho thuê, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, các khoản đầu tư dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác.

**Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	339.307.637	121.587.627
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	63.390.243.765	24.375.390.691
Tương đương tiền	32.440.875.574	24.750.000.000
<b>Cộng</b>	<b>96.170.426.976</b>	<b>49.246.978.318</b>

Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

**5.2 Các khoản phải thu khách hàng**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>29.728.797.372</b>	<b>21.189.648.894</b>
Công ty TNHH MTV Thương mại Tuildonai	6.908.370.059	10.687.505.693
Mao Kim Sean Depot	6.831.597.641	7.442.652.013
Phải thu các khách hàng còn lại	15.988.829.672	3.059.491.188
<b><i>Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</i></b>	<b>6.908.370.059</b>	<b>10.687.505.693</b>
Công ty TNHH MTV Thương mại Tuildonai	6.908.370.059	10.687.505.693
<b>Cộng</b>	<b>29.728.797.372</b>	<b>21.189.648.894</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

### 5.3 Các khoản phải thu khác

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
- Tạm ứng	6.309.525.284	-	1.000.469.992	-
- Phải thu khác	6.228.758.605		998.498.391	
	80.766.679	-	1.971.601	-
b) Dài hạn	1.121.580.581	-	990.380.791	-
- Ký cược, ký quỹ	1.121.580.581	-	990.380.791	-
<b>Cộng</b>	<b>7.431.105.865</b>	<b>-</b>	<b>1.990.850.783</b>	<b>-</b>

### 5.4 Nợ xấu

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Tân Hương	1.957.848.601	-	1.957.848.601	-
Các đối tượng khác	711.354.824	-	63.274.928	39.407.543
<b>Cộng</b>	<b>2.669.203.425</b>	<b>-</b>	<b>2.021.123.529</b>	<b>39.407.543</b>

Trong đó:

Công ty TNHH Tân Hương	Quá hạn trên 3 năm
Các đối tượng khác	1.957.848.601
<b>Cộng</b>	711.354.824
	<b>2.669.203.425</b>

### 5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	39.561.819.479	-	26.294.234.683	-
Công cụ, dụng cụ	1.922.643.665	-	2.541.288.309	-
Chi phí SX KDDD	21.707.693	-	15.257.569	-
Thành phẩm	30.938.721.835	(7.859.724.756)	23.794.424.373	(4.831.825.153)
<b>Cộng</b>	<b>72.444.892.672</b>	<b>(7.859.724.756)</b>	<b>52.645.204.934</b>	<b>(4.831.825.153)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.6 Tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại 01/01/2018	29.903.801.683	140.668.469.090	11.244.073.997	1.842.321.182	146.891.193.824	330.549.859.776
Tăng trong năm	-	19.563.154.959	5.248.438.182	-	40.695.836.136	65.507.429.277
Mua trong năm	-	19.563.154.959	5.248.438.182	-	-	24.811.593.141
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	40.695.836.136	40.695.836.136
Giảm trong năm	-	493.333.333	575.081.741	-	-	1.068.415.074
Thanh lý nhượng bán	-	493.333.333	575.081.741	-	-	1.068.415.074
Số dư tại 31/12/2018	29.903.801.683	159.738.290.716	15.917.430.438	1.842.321.182	187.587.029.960	394.988.873.979
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại 01/01/2018	21.584.948.697	112.650.838.950	8.789.978.393	1.735.015.030	121.064.497.910	265.825.278.980
Tăng trong năm	1.223.076.458	14.939.892.719	1.018.804.945	85.549.916	21.673.088.316	38.940.412.354
Khấu hao trong năm	1.223.076.458	14.939.892.719	1.018.804.945	85.549.916	21.673.088.316	38.940.412.354
Giảm trong năm	-	493.333.333	575.081.741	-	-	1.068.415.074
Thanh lý nhượng bán	-	493.333.333	575.081.741	-	-	1.068.415.074
Số dư tại 31/12/2018	22.808.025.155	127.097.398.336	9.233.701.597	1.820.564.946	142.737.586.226	303.697.276.260
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2018	8.318.852.986	28.017.630.140	2.454.095.604	107.306.152	25.826.695.914	64.724.580.796
Tại ngày 31/12/2018	7.095.776.528	32.640.892.380	6.683.728.841	21.756.236	44.849.443.734	91.291.597.719

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2018 với giá trị là 59.626.460.740 đồng (tại 31/12/2017 với giá trị là 59.844.233.619 đồng)

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.7 Tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại 01/01/2018	37.969.000	104.103.860	142.072.860
Tăng trong năm	40.074.793.570	-	40.074.793.570
Mua mới	38.960.686.457		38.960.686.457
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.114.107.113		1.114.107.113
Giảm trong năm	40.112.762.570	-	40.112.762.570
Chuyển nhượng	40.112.762.570		40.112.762.570
Số dư tại 31/12/2018	-	104.103.860	104.103.860
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại 01/01/2018	37.969.000	104.103.860	142.072.860
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	37.969.000	-	37.969.000
Chuyển nhượng	37.969.000		37.969.000
Số dư tại 31/12/2018	-	104.103.860	104.103.860
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2018	-	-	-
Tại 31/12/2018	-	-	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

#### 5.8 Bất động sản đầu tư

Khoản mục	Đơn vị tính: VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
a) Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	12.207.837.490	-	-	12.207.837.490
- Nhà và quyền sử dụng đất	12.207.837.490			12.207.837.490
Giá trị hao mòn lũy kế	5.824.666.763	497.389.920	-	6.322.056.683
- Nhà và quyền sử dụng đất	5.824.666.763	497.389.920		6.322.056.683
Giá trị còn lại	6.383.170.727	-	497.389.920	5.885.780.807
- Nhà và quyền sử dụng đất	6.383.170.727	-	497.389.920	5.885.780.807

Bất động sản đầu tư là giá trị tòa nhà Văn phòng tại Số 119 Điện Biên Phủ, Phường ĐaKao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh (không bao gồm giá trị nội thất và giá trị thang máy). Tòa nhà này sử dụng đồng thời làm văn phòng của Công ty và cho mục đích thuê. Tuy nhiên, diện tích phần lớn là cho thuê nên Công ty theo dõi toàn bộ trên giá trị tài sản Bất động sản đầu tư và được khấu hao trong thời gian 25 năm.

#### 5.9 Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang				
Nhà máy Gạch Ngói Đồng Nai I	-	-	32.715.964.249	32.715.964.249
Xí nghiệp Mỏ sét số 6	-	-	1.114.107.113	1.114.107.113
Mua sắm tài sản cố định	-	-	30.333.857.136	30.333.857.136
Cộng	-	-	1.268.000.000	1.268.000.000
			32.715.964.249	32.715.964.249

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

### 5.10 Đầu tư vào công ty con

Đơn vị tính: VND

Đối tượng đầu tư	Tỷ lệ		31/12/2018				01/01/2018			
	Vốn nắm giữ (%)	Quyền biểu quyết (%)	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con			10.000.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại TUILDONAI	100%	100%	10.000.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác			-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng			10.000.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-

Thông tin chi tiết về Công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

Đầu tư vào Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại TUILDONAI	119 Điện Biên Phủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt (gạch, ngói,...)

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.11 Phải trả người bán**

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Công ty Xăng Dầu Khu Vực 2- TNHH MTV	16.554.171.986	16.554.171.986	23.638.787.112	23.638.787.112
Công ty TNHH Hải Anh Dương	2.608.760.000	2.608.760.000	1.157.448.600	1.157.448.600
Công ty TNHH BEHN MEYER Việt Nam	-	-	390.975.200	390.975.200
Doanh nghiệp tư nhân Cao Kim Long	2.165.136.600	2.165.136.600	4.537.164.456	4.537.164.456
Công ty TNHH MTV Cơ khí Cửu Long	1.005.488.000	1.005.488.000	4.214.098.000	4.214.098.000
Công ty TNHH TM xăng dầu Trung Anh	240.793.430	240.793.430	2.341.115.000	2.341.115.000
Cty TNHH MTV TM Tuilidonai	3.567.901.157	3.567.901.157	1.491.090.700	1.491.090.700
Phải trả người bán khác	1.849.817.580	1.849.817.580	629.869.615	629.869.615
	5.116.275.219	5.116.275.219	8.877.025.541	8.877.025.541
<b>b) Dài hạn</b>	-	-	-	-
<i>Trong đó giao dịch các bên liên quan</i>				
Công ty TNHH MTV Thương mại Tuilidonai	1.849.817.580	1.849.817.580	629.869.615	629.869.615
<b>Cộng</b>	<b>16.554.171.986</b>	<b>16.554.171.986</b>	<b>23.638.787.112</b>	<b>23.638.787.112</b>

**5.12 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	01/01/2018 (VND)		Số đã nộp trong năm		31/12/2018 (VND)	
		Số phải nộp trong năm				
<b>Phải nộp</b>						
Thuế GTGT	5.286.550.049	39.558.282.481	40.343.585.740	4.501.246.790		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	925.463.577	12.825.866.286	12.614.289.648	1.137.040.215		
Thuế thu nhập cá nhân	2.824.098.921	16.732.411.318	17.582.587.000	1.973.923.239		
Thuế tài nguyên	1.056.720.869	1.987.149.108	2.173.057.921	870.812.056		
	290.718.000	5.659.344.690	5.487.167.490	462.895.200		
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	189.548.682	2.353.511.079	2.486.483.681	56.576.080		
<b>Phải thu</b>						
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	1.162.539.130	9.300.334.559	8.586.977.751	449.182.322		
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	450.000.000	6.000.796.925	5.950.796.925	400.000.000		
Thuế xuất nhập khẩu	-	2.382.330.905	2.422.059.159	39.728.254		
	-	204.667.599	214.121.667	9.454.068		
Các khoản khác phải thu nhà nước	712.539.130	712.539.130		-		

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.13 Chi phí phải trả**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>2.285.183.109</b>	<b>3.915.508.482</b>
Trích trước tiền thuê đất	1.162.979.522	904.848.304
Trích trước chi phí lãi vay	-	57.296.980
Trích trước chi phí vận chuyển	73.529.701	1.046.467.734
Trích trước chi phí tiền điện	-	719.290.120
Trích trước chi phí khác	1.048.673.886	1.187.605.344
<b>b) Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>2.285.183.109</b>	<b>3.915.508.482</b>

**5.14 Các khoản phải trả phải nộp khác**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>8.960.475.244</b>	<b>9.797.700.461</b>
Kinh phí công đoàn	366.412.372	328.286.000
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	238.837.602	103.919.724
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.024.330.711	7.377.129.909
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	871.244.500	1.424.023.450
Các khoản phải trả, phải nộp khác	459.650.059	564.341.378
<b>b) Dài hạn</b>	<b>1.754.888.311</b>	<b>1.457.621.731</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.754.888.311	1.457.621.731
<b>Cộng</b>	<b>10.715.363.555</b>	<b>11.255.322.192</b>

**Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty Mua bán Nợ - Bộ tài chính	287.125.970	287.125.970
Phải trả khác	172.524.089	277.215.408
<b>Cộng</b>	<b>459.650.059</b>	<b>564.341.378</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÔI ĐỒNG NAI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.15 Vay và nợ thuê tài chính**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2018		Trong năm		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18.237.393.000	18.237.393.000	107.163.908.504	105.299.054.398	16.372.538.894	16.372.538.894
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Chiểu	15.371.978.597	15.371.978.597	102.028.494.681	100.947.822.683	14.291.306.599	14.291.306.599
Vay ngắn hạn khác từ cá nhân	2.865.414.403	2.865.414.403	5.135.413.823	4.351.231.715	2.081.232.295	2.081.232.295
- Cán bộ công nhân viên	2.865.414.403	2.865.414.403	5.135.413.823	4.351.231.715	2.081.232.295	2.081.232.295
<b>Cộng</b>	<b>18.237.393.000</b>	<b>18.237.393.000</b>	<b>107.163.908.504</b>	<b>105.299.054.398</b>	<b>16.372.538.894</b>	<b>16.372.538.894</b>

**Vay ngắn hạn Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 01/2018/93267/HĐTD ngày 13 tháng 03 năm 2018**

Số tiền được vay	Dư nợ tối đa với số tiền 70.000.000.000 đồng.
Mục đích vay	Bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh
Thời hạn vay	Theo từng giấy đề nghị giải ngân kiêm kiểm hợp đồng tín dụng cụ thể, 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.
Lãi suất vay	Điều chỉnh theo từng lần nhận nợ
Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2018	15.371.978.597 đồng

**Vay ngắn hạn của các cá nhân khác**

Bên cho vay	Cán bộ công nhân viên
Số tiền được vay	5.135.413.823 đồng.
Mục đích vay	Bổ sung vốn lưu động
Thời hạn vay	12 tháng
Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2018	2.865.414.403 đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.16 Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	<i>Đơn vị tính: VND</i> Tổng
Số dư tại 01/01/2017	60.000.000.000	2.305.148.444	16.537.041.970	37.278.378.385	116.120.568.799
Tăng trong năm	30.000.000.000	6.000.000.000	15.731.904.009	39.844.852.987	91.576.756.996
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	36.938.691.664	36.938.691.664
Phân phối lợi nhuận	-	-	15.731.904.009	-	15.731.904.009
Thu lợi nhuận từ Công ty con	-	-	-	2.906.161.323	2.906.161.323
Tăng vốn	30.000.000.000	6.000.000.000	-	-	36.000.000.000
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	-	<b>33.918.317.490</b>	<b>33.918.317.490</b>
Trích quỹ các đầu tư phát triển	-	-	-	15.731.904.009	15.731.904.009
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	7.150.865.459	7.150.865.459
Chia cổ tức năm 2016	-	-	-	4.200.000.000	4.200.000.000
Tạm chia cổ tức năm 2017	-	-	-	6.300.000.000	6.300.000.000
Chi tiền khen thưởng HĐQT & BKS	-	-	-	357.000.000	357.000.000
Lãi thuế TNDN - Quyết toán quỹ Phát triển khoa học Công nghệ	-	-	-	141.095.682	141.095.682
Nộp phạt hành chính	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2017</b>	<b>90.000.000.000</b>	<b>8.305.148.444</b>	<b>32.268.945.979</b>	<b>37.452.340</b>	<b>37.452.340</b>
<b>Số dư tại 01/01/2018</b>	<b>90.000.000.000</b>	<b>8.305.148.444</b>	<b>32.268.945.979</b>	<b>43.204.913.882</b>	<b>173.779.008.305</b>
<b>Tăng trong năm</b>	-	-	<b>21.104.667.304</b>	<b>72.435.128.033</b>	<b>93.539.795.337</b>
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	66.928.035.825	66.928.035.825
Phân phối lợi nhuận	-	-	21.104.667.304	-	21.104.667.304
Thu lợi nhuận từ Công ty con	-	-	-	5.507.092.208	5.507.092.208
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	-	<b>42.373.594.961</b>	<b>42.373.594.961</b>
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	21.104.667.304	21.104.667.304
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	6.340.119.000	6.340.119.000
Chia cổ tức năm 2017	-	-	-	8.100.000.000	8.100.000.000
Tạm chia cổ tức năm 2018	-	-	-	6.300.000.000	6.300.000.000
Chi tiền khen thưởng HĐQT & BKS	-	-	-	422.675.000	422.675.000
Nộp phạt hành chính	-	-	-	106.133.657	106.133.657
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	<b>90.000.000.000</b>	<b>8.305.148.444</b>	<b>53.373.613.283</b>	<b>73.266.446.954</b>	<b>224.945.208.681</b>

(\*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên số 22-2018/NQ-ĐHCD ngày 19 tháng 05 năm 2018.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
1. Công ty TNHH Xây dựng An Cư	4.000.000.000	4.000.000.000
2. Các cổ đông khác	86.000.000.000	86.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>90.000.000.000</b>	<b>90.000.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	90.000.000.000	60.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	30.000.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	90.000.000.000	90.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	6.300.000.000	14.400.000.000

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2018	01/01/2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.000.000	9.000.000
Cổ phiếu phổ thông	9.000.000	9.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	53.373.613.283	32.268.945.979
<b>Cộng</b>	<b>53.373.613.283</b>	<b>32.268.945.979</b>

**5.17 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
<b>a) Doanh thu</b>	<b>365.850.971.040</b>	<b>339.665.722.591</b>
Doanh thu bán hàng	355.180.021.759	330.067.902.333
Doanh thu bất động sản đầu tư	10.670.949.281	9.597.820.258
Doanh thu khác	-	-
<b>Trong đó:</b>		
Doanh thu đối với các bên liên quan	277.832.691.338	262.355.766.909
Công ty TNHH MTV Thương mại Tuilidonai	277.832.691.338	262.355.766.909
<b>Cộng</b>	<b>365.850.971.040</b>	<b>339.665.722.591</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.18 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	270.872.442.028	249.914.586.445
Giá vốn cho thuê văn phòng	4.417.256.248	4.209.449.787
Dự phòng/ (Hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	3.027.899.603	1.957.202.679
<b>Cộng</b>	<b>278.317.597.879</b>	<b>256.081.238.911</b>

**5.19 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi	1.520.044.004	204.800.983
Lãi chênh lệch tỷ giá	674.996.336	111.620.453
<b>Cộng</b>	<b>2.195.040.340</b>	<b>316.421.436</b>

**5.20 Chi phí tài chính**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền vay	998.820.042	2.968.726.952
Lỗ chênh lệch tỷ giá	29.644.838	170.251.764
<b>Cộng</b>	<b>1.028.464.880</b>	<b>3.138.978.716</b>

**5.21 Chi phí bán hàng**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên	3.486.278.517	3.224.524.386
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	8.291.259.672	9.401.900.709
Chi phí bảo hành sản phẩm	166.392.371	434.765.749
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.342.990.409	240.210.912
Chi phí bằng tiền khác	3.127.392.806	2.856.326.397
<b>Cộng</b>	<b>16.414.313.775</b>	<b>16.157.728.153</b>

**5.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.494.418.050	6.495.331.624
Chi phí vật liệu quản lý	243.514.719	89.623.316
Chi phí khấu hao TSCĐ	741.316.256	367.785.496
Thuế phí và lệ phí	9.295.820.661	7.930.883.073
Chi phí dự phòng	687.487.439	11.048.296
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.154.992.007	1.914.309.161
Chi phí bằng tiền khác	6.901.211.600	6.211.391.511
<b>Cộng</b>	<b>27.518.760.732</b>	<b>23.020.372.477</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.23 Lợi nhuận khác**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	122.727.273	90.909.091
Hoàn nhập quỹ phát triển khoa học công nghệ	-	4.717.670.802
Thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	38.692.058.626	-
Phí môi giới	88.760.000	-
Các khoản khác	44.361.200	1
<b>Cộng</b>	<b>38.947.907.099</b>	<b>4.808.579.894</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Các khoản phạt vi phạm hành chính	54.334.036	-
Các khoản khác	34	-
<b>Cộng</b>	<b>54.334.070</b>	<b>-</b>
<b>Thu nhập khác thuần</b>	<b>38.893.573.029</b>	<b>4.808.579.894</b>

**5.24 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>1. Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>83.660.447.143</b>	<b>41.674.734.862</b>
<b>2. Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</b>	<b>468.796.096</b>	<b>176.689.180</b>
Thù lao của hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành	64.800.000	30.000.000
Chi phí khấu hao xe ô tô có nguyên giá trên 1,6 tỷ	322.265.703	87.547.375
Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại khoản mục phải tiền, thu khách hàng	27.396.357	59.141.805
Phạt vi phạm hành chính	54.334.036	-
<b>3. Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</b>	<b>467.186.652</b>	<b>-</b>
Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại khoản mục tiền	467.186.652	-
<b>4. Thu nhập chịu thuế</b>	<b>83.662.056.587</b>	<b>41.851.424.042</b>
Các khoản lỗ được kết chuyển	-	-
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>83.662.056.587</b>	<b>41.851.424.042</b>
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
<b>Thuế TNDN hiện hành</b>	<b>16.732.411.318</b>	<b>8.370.284.809</b>
5. Hoàn nhập quỹ phát triển khoa học Công nghệ	-	4.717.670.802
6. Thuế TNDN từ hoàn nhập quỹ phát trên KHCN (*)	-	1.083.429.191
<b>Tổng thuế TNDN hiện hành</b>	<b>16.732.411.318</b>	<b>9.453.714.000</b>

**5.25 Chi phí sản xuất theo yếu tố**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	142.650.925.970	131.117.889.920
Chi phí nhân công	91.721.218.115	85.169.550.847
Chi phí khấu hao tài sản cố định	39.437.802.274	36.267.454.915
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.335.094.052	20.907.765.529
Chi phí khác bằng tiền	26.952.113.246	23.870.538.362
<b>Cộng</b>	<b>323.097.153.657</b>	<b>297.333.199.573</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**6. THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

**a. Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	Thu nhập từ lương, thưởng và các khoản khác	4.369.452.767	2.716.600.000

**b. Giao dịch các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<u>Giao dịch bán</u>				
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại TUILDONAI	Công ty con	Bán thành phẩm	277.243.826.832	262.355.766.909
		Cho thuê văn phòng	537.600.000	-
		Tiền điện phải thu	51.264.506	-
<u>Giao dịch mua</u>				
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại TUILDONAI	Công ty con	Mua vật liệu xây dựng	1.681.652.347	903.476.073

**c. Số dư phải trả và phải trả khác với bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại TUILDONAI	Công ty con	Bán hàng cho công ty con	6.908.370.059	10.687.505.693
		Mua nguyên vật liệu của công ty con	1.849.817.580	629.869.615
		Nhận ký quỹ	5.400.000.000	5.400.000.000

**6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.15 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	96.170.426.976	49.246.978.318
Phải thu khách hàng và phải thu khác	28.261.941.207	20.200.285.300
<b>Cộng</b>	<b>124.432.368.183</b>	<b>69.447.263.618</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	18.237.393.000	16.372.538.894
Phải trả người bán và phải trả khác	27.269.535.541	34.894.109.304
Chi phí phải trả	2.285.183.109	3.915.508.482
<b>Cộng</b>	<b>47.792.111.650</b>	<b>55.182.156.680</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)****Rủi ro thị trường (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

<b>Tại 31/12/2018</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 - 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Phải trả khách hàng và phải trả khác	25.514.647.230	1.754.888.311	27.269.535.541
Chi phí phải trả	2.285.183.109	-	2.285.183.109
Các khoản vay	18.237.393.000	-	18.237.393.000
<b>Cộng</b>	<b>46.037.223.339</b>	<b>1.754.888.311</b>	<b>47.792.111.650</b>
<b>Tại 01/01/2018</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 - 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Phải trả khách hàng và phải trả khác	33.436.487.573	1.457.621.731	34.894.109.304
Chi phí phải trả	3.915.508.482	-	3.915.508.482
Các khoản vay	16.372.538.894	-	16.372.538.894
<b>Cộng</b>	<b>53.724.534.949</b>	<b>1.457.621.731</b>	<b>55.182.156.680</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<b>Tại 31/12/2018</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 - 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	96.170.426.976	-	96.170.426.976
Phải thu khách hàng và phải thu khác	27.140.360.626	1.121.580.581	28.261.941.207
<b>Cộng</b>	<b>123.310.787.602</b>	<b>1.121.580.581</b>	<b>124.432.368.183</b>
<b>Tại 01/01/2018</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 - 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.246.978.318	-	49.246.978.318
Phải thu khách hàng và phải thu khác	19.209.904.509	990.380.791	20.200.285.300
<b>Cộng</b>	<b>68.456.882.827</b>	<b>990.380.791</b>	<b>69.447.263.618</b>

**6.3 Số liệu so sánh**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Bùi Thanh Trà



Bùi Thị Chiêm



 Nguyễn Đức Dũng